

TÁC ĐỘNG CỦA TOÀN CẦU HÓA, HỘI NHẬP QUỐC TẾ ĐẾN MỐI QUAN HỆ GIỮA DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO Ở TÂY NGUYÊN

TS DƯƠNG THANH MỪNG

Học viện Chính trị khu vực III

Tây Nguyên vùng đất cư ngụ của gần 6 triệu người thuộc tất cả 54 dân tộc, trong đó có 53 dân tộc thiểu số, với gần 2,2 triệu người. Tây Nguyên cũng là vùng đất của sự đa dạng về tôn giáo¹. Tính đến năm 2022, Kon Tum có khoảng 230.357 tín đồ²; Gia Lai khoảng 417.000 tín đồ, 363 chức sắc, 1.593 chức việc và 247 cơ sở thờ tự³; Đắk Lắk có 615.222 tín đồ, 1.395 chức sắc, chức việc, 356 cơ sở thờ tự; Đắk Nông có khoảng 282.062 tín đồ⁴; Lâm Đồng có trên 820.000 tín đồ, 1.805 chức sắc, 3.891 chức việc, 523 cơ sở⁵. Ngoài các tôn giáo nêu trên, ở Tây Nguyên hiện đang tồn tại nhiều hiện tượng tôn giáo mới với nguồn gốc xuất xứ, phạm vi và mức độ ảnh hưởng khác nhau. Sự đa dạng của đời sống văn hóa, sắc tộc, tôn giáo, tín ngưỡng ở Tây Nguyên càng làm cho những tác động của xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế trở nên sinh động, đa dạng.

1. Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế vừa tác động tích cực, vừa tiêu cực đến mối quan hệ giữa các dân tộc thiểu số với tôn giáo ở Tây Nguyên

Về mặt tích cực, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế giúp củng cố mối quan hệ giữa các dân tộc thiểu số với tôn giáo ở Tây Nguyên. Trong bối cảnh của hội nhập quốc tế, mối quan hệ giữa các dân tộc thiểu số với tôn giáo được xem xét và đặt trong sự đối sánh với nhiều khía cạnh, nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Tôn giáo không chỉ dừng lại ở vai trò thỏa mãn nhu cầu đức tin mà còn được xem xét dưới dạng thức của một nguồn lực. Nguồn lực này chính là nguồn vốn của những cộng đồng dân cư có đạo và nó đang cho thấy, khả năng ảnh hưởng của mình. Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế thúc đẩy xu thế thế tục hoá, hiện đại hoá,

đa dạng hoá tôn giáo và điều này sẽ làm phong phú hơn mối quan hệ với các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên. Toàn cầu hóa góp phần gia tăng sức hấp dẫn đức tin vào tính thiêng và từ đó tạo điều kiện để các tôn giáo củng cố mối quan hệ với các dân tộc thiểu số. Thực tế ở Tây Nguyên thời gian qua cho thấy, số lượng tín đồ tham gia sinh hoạt tôn giáo ở các cơ sở thờ tự ngày càng tăng. Dù chấp nhận quy xu hay không quy xu tôn giáo, nhưng rất nhiều đồng bào dân tộc thiểu số xem việc đến chùa lễ Phật, đi nhà thờ vào các ngày lễ lớn như một nhu cầu tất yếu của bản thân.

Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế vừa góp phần hiện đại hóa, vừa đưa mối quan hệ giữa các dân tộc thiểu số với tôn giáo đi vào chiều sâu. Trước tiên, các tôn giáo không ngừng củng cố, kiện toàn chính bản thân để đáp ứng các yêu cầu, điều kiện mới của mối quan hệ. Đó là việc nhìn nhận, phân tích sâu sắc hơn giáo lý, lễ nghi, giới luật, cách thức sinh hoạt; đồng thời, xem xét, chấp nhận và khuyến khích các giá trị văn hóa, phong tục tập quán của đồng bào... Tiếp đến là việc cải thiện, tăng cường mối quan hệ bên ngoài về học thuyết xã hội, về thái độ của tôn giáo đối với đời sống của đồng bào... Các tôn giáo cũng không ngừng tận dụng, áp dụng các trào lưu tư tưởng hiện đại để làm phong phú, sâu sắc hơn mối quan hệ với đồng bào dân tộc thiểu số. Cạnh đó là việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại, các phương tiện truyền thông, các nền tảng mạng xã hội để làm gia tăng thời lượng của mối quan hệ này.

Về mặt tiêu cực, đó chính là tình trạng chuyển đổi niềm tin tôn giáo. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tạo điều kiện để các tôn giáo du nhập vào Tây Nguyên và sự xuất hiện của nhiều loại hình tôn giáo, tín

ngưỡng khác nhau tất yếu dẫn đến sự cạnh tranh, phủ định lẫn nhau. Các tôn giáo một mặt phải gia cố mối quan hệ truyền thống, mặt khác cũng phải tích cực đổi mới phương thức, chiến lược truyền đạo nhằm đáp ứng yêu cầu mới của bối cảnh hội nhập quốc tế. Sự phong phú của tôn giáo mang đến nhiều cơ hội lựa chọn, xác lập đức tin nhưng nó cũng đưa đến nguy cơ chuyển đổi niềm tin tôn giáo. Hay nói cách khác, mối quan hệ giữa các dân tộc thiểu số với tôn giáo trước sức ép của toàn cầu hóa và hội nhập sẽ thiếu đi tính bền vững. Thực tế ở Tây Nguyên thời gian qua cho thấy, tình trạng chuyển đổi đức tin diễn ra khá mạnh mẽ. Không chỉ diễn ra ở một hay một nhóm tôn giáo mà ở hầu hết các tôn giáo. Chẳng hạn như việc đồng bào từ bỏ tín ngưỡng truyền thống để theo Tin Lành, Phật giáo; hay việc chuyển đổi niềm tin từ Công giáo sang Tin lành, Phật giáo và ngược lại⁶...

Cùng với xu thế chuyển đổi niềm tin, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế còn làm rạn nứt mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo. Biểu hiện giữa một bên là nhu cầu muốn gìn giữ các giá trị truyền thống với một bên là nhu cầu đồng hóa các quy chuẩn của tôn giáo vào trong cuộc sống. Chính tâm lý này của các tôn giáo đã làm cho nhiều giá trị tốt đẹp trong phong tục, tập quán truyền thống của đồng bào bị ảnh hưởng, thậm chí bị loại bỏ. Toàn cầu hóa, hội nhập cũng làm xuất hiện các hiện tượng tôn giáo mới và nó đe dọa trực tiếp đến mối quan hệ truyền thống giữa các dân tộc và tôn giáo ở Tây Nguyên. Ở một số địa phương, tín đồ khi theo hiện tượng tôn giáo mới không chỉ chối từ mối quan hệ với đức tin trước đây mà thậm chí còn tìm cách gia tăng thêm mâu thuẫn để làm phá vỡ các mối quan hệ truyền thống này⁷.

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế gây nên sự “choáng ngợp, nhiễu loạn” giữa cái cũ và cái mới, giữa truyền thống và hiện đại. Trong khi các yêu cầu, điều kiện hội nhập của Tây Nguyên chưa thật đầy đủ thì quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế lại diễn ra với tốc độ nhanh chóng và mạnh mẽ. Các yếu tố mới xuất hiện ngày càng nhiều càng làm cho quá trình tiếp nhận dễ rơi vào tình trạng hỗn loạn. Biểu hiện rõ nhất là trong việc xác lập niềm tin đối với các tôn giáo. Vốn dĩ tồn tại niềm tin đa thần nên khi có nhiều tôn giáo khác nhau, đồng bào thường có sự dằn trải về niềm tin. Trong nhiều trường hợp, mối quan hệ giữa

các dân tộc thiểu số với tôn giáo ở Tây Nguyên còn bị cuốn theo quá trình toàn cầu hóa một cách bị động, thiếu năng lực chủ thể hóa, thậm chí ở một số nơi còn chối bỏ truyền thống, tiếp nhận cái mới một cách xô bồ, thiếu chọn lọc. Một khảo sát năm 2020 cho thấy, chỉ có 42/153 tín đồ Công giáo và 28/77 tín đồ Tin Lành tham gia lễ hội dân tộc. Trong khi đó, số lượng tín đồ Công giáo tham gia lễ hội tôn giáo chiếm tới 75,1% và Tin Lành là 62,5%⁸.

2. Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế làm cho mối quan hệ giữa các dân tộc thiểu số và tôn giáo ở Tây Nguyên thêm đa chiều, đa dạng

Hội nhập quốc tế, cùng với quá trình toàn cầu hóa, cách mạng thông tin bùng nổ đã trang bị thêm nhiều chất liệu, nhiều phương tiện để các dân tộc và tôn giáo ở Tây Nguyên định hình, phát triển mối quan hệ. Không chỉ dừng lại ở mối quan hệ trực tiếp, một chiều thuần túy như trước đây mà nó còn phát triển sang cả mối quan hệ gián tiếp, quan hệ đa chiều, đa cộng đồng dân cư và vùng lãnh thổ. Chẳng hạn trước đây, để thực hành đời sống đạo, đồng bào thường phải đến cơ sở thờ tự hoặc trực tiếp nhờ các chức sắc, chức việc sở tại dẫn dắt. Nhưng trong bối cảnh hiện nay, đồng bào tín đồ hoàn toàn có thể thực hành các nghi lễ qua hình thức online. Cũng chính từ đây hình thành hai xu hướng “đơn giản hóa” và “phức tạp hóa” trong việc thực hành đời sống đạo. Xu hướng đơn giản hóa xuất phát từ nhu cầu giản lược tính rườm rà trong các nghi lễ, trong giao tiếp, sinh hoạt đời sống đạo. Ngược lại, xu hướng phức tạp hóa được hình thành trong cộng đồng dân cư có nhiều điều kiện về kinh tế. Khi đời sống vật chất được đảm bảo, đồng bào thường hướng đến việc tổ chức các nghi lễ quy mô với nhiều nội dung, chương trình hoạt động để khẳng định vị thế đức tin của mình. Mối quan hệ thường nhật của những cộng đồng dân cư này với giáo hội, hay các trung tâm tôn giáo cũng được chú trọng hơn ở nhiều phương diện, nhiều khía cạnh khác nhau...

Tính đa chiều, đa dạng của mối quan hệ giữa dân tộc với tôn giáo ở Tây Nguyên còn thể hiện ở số lượng, quy mô và mục tiêu đạt được trong quan hệ quốc tế⁹. Ngoài các quốc gia có chung đường biên giới như Lào, Campuchia, mối quan hệ giữa dân tộc với tôn giáo ở Tây Nguyên gần như đã mở rộng đến tất cả các trung tâm tôn giáo trên toàn thế giới. Thông qua quan hệ quốc tế, đồng bào không chỉ thỏa mãn, phát triển các nhu cầu

sinh hoạt đức tin mà còn thu hút được nhiều nguồn lực để hỗ trợ cho quá trình phát triển đời sống kinh tế, văn hóa. Tính đa dạng, đa chiều của mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo trong quan hệ quốc tế còn thể hiện ở việc hợp tác, liên kết song phương, đa phương với các tổ chức chính trị, xã hội lớn của thế giới; hay trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Không chỉ giới hạn trong phạm vi sinh hoạt đức tin nó còn thể hiện trong giáo dục, y tế, an sinh xã hội, môi trường... Hiện nay, dù trực tiếp hay gián tiếp, một số dân tộc thiểu số có tôn giáo ở Tây Nguyên đã và đang tích cực tham gia nhập thể để cùng chia sẻ, gánh vác trách nhiệm với cộng đồng.

3. Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế đưa đến sự thiếu đồng nhất trong mối quan hệ giữa các dân tộc thiểu số với tôn giáo ở Tây Nguyên

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế là xu thế mang tính tất yếu đặt ra cho các dân tộc, quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Trong quá trình ấy, mỗi dân tộc thường có những chiến lược riêng để tham gia vào quá trình hội nhập. Ở Tây Nguyên, mối quan hệ các giữa dân tộc thiểu số với tôn giáo trong quá trình hội nhập quốc tế diễn ra không đồng nhất.

Các dân tộc như Tày, Nùng, Gia Rai, Ê Đê, Ba Na, Xơ Đăng... đã xây dựng được mối quan hệ với các cơ sở tôn giáo ở nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Mối quan hệ giữa các dân tộc thiểu số này với các tổ chức tôn giáo quốc tế ngày càng được cải thiện theo hướng tăng cường khả năng trao đổi tiếp nhận thông tin, sinh hoạt văn hóa, học thuật, thu hút nguồn vốn đầu tư... hoặc tham gia vào các diễn đàn thế giới để giải quyết các vấn đề có tính toàn cầu như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, bất bình đẳng xã hội... Ngược lại, mối quan hệ của các dân tộc như Sán Chay, Sán Dìu, Hrê, Xtiêng, Bru Vân Kiều... thì chỉ dừng lại ở mức tương đối trong hội nhập quốc tế. Các dân tộc thiểu số như Thái, Hoa, Lào, Khmer... mối quan hệ với tôn giáo trong quan hệ quốc tế lại diễn ra theo hướng thuần nhất, chủ yếu với cộng đồng dân cư theo đạo Phật ở Lào, Thái Lan, Trung Quốc và một số quốc gia trên thế giới. Các dân tộc thiểu số rất ít người như Ngái, Xinh Mun, Phù Lá, Cống, Bô Y... thì mối quan hệ với tôn giáo trong quan hệ quốc tế mờ nhạt hơn.

Vậy đâu là nguyên nhân dẫn đến thực trạng này. Xét về nguồn gốc sâu xa, mối quan hệ giữa các dân tộc

thiểu số với tôn giáo ở Tây Nguyên trong hội nhập quốc tế chịu ảnh hưởng bởi đặc trưng tâm lý, tập tục truyền thống. Một số dân tộc với tính thức thời đã tích cực, chủ động trong việc tiếp biến những cái hay, cái mới của thời đại để từ đó chuyển hóa vào trong quá trình phát triển. Ngược lại, một số dân tộc tỏ ra dè dặt với quá trình tiếp biến. Tôn giáo, nhất là các tôn giáo ngoại nhập thường được xem như một giá trị văn hóa ngoại lai và nó làm ảnh hưởng hay thậm chí đe dọa đến truyền thống văn hóa, tập tục sinh hoạt. Đặc tính canh tác nương rẫy, du canh, du cư của đồng bào cũng được xem là nguyên nhân làm ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo trong quan hệ quốc tế. Phương thức canh tác thủ công chiếm dụng một dung lượng thời gian rất lớn của đồng bào vào trong lao động. Sinh hoạt tinh thần hay việc vươn ra để tiếp biến cái mới trở nên khó khăn hơn khi các giá trị của đời sống vật chất chưa được bảo đảm. Địa vực cư trú cũng được xem là một nguyên nhân ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo. Các dân tộc có đồng dân cư ở thành thị như Giarai, Ê Đê, Ba Na, Co Ho, Tày... có nhiều cơ hội thuận lợi trong việc tiếp biến và hội nhập quốc tế. Đối với những dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa quá trình tiếp nhận, nắm bắt thông tin cũng như tận dụng khả năng để hội nhập thường khó khăn và có nhiều hạn chế hơn... Cuối cùng là xuất phát từ vị thế của các tôn giáo. Các tôn giáo lớn như Công giáo, Tin Lành, Phật giáo có nhiều thế mạnh trong quan hệ quốc tế. Do đó, các dân tộc thiểu số quy xu theo những tôn giáo này thường được kế thừa các nền tảng đã có sẵn để từ đó củng cố về chiều sâu và phát triển theo chiều rộng. Các tôn giáo như Cao Đài, Phật giáo Hòa hảo, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội, Bahai... lại có mối quan hệ quốc tế tương đối yếu hơn.

4. Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế làm gia tăng nguy cơ lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch

Toàn cầu hóa và hội nhập mở ra cánh cửa để các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên tiếp cận với nền văn minh của nhân loại. Tuy nhiên, bên cạnh chiều kích thuận lợi, Tây Nguyên cũng đang phải đối mặt với thách thức to lớn, đó chính là âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch. Trong những năm qua, lợi dụng xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, các thế lực thù địch không ngừng tuyên truyền, vận động để

thành lập các tổ chức bất hợp pháp; quy tụ lực lượng trong và ngoài nước để kích động các phong trào đòi ly khai, tự trị ở Tây Nguyên. Đỉnh điểm của vấn đề ở các năm 2001, 2004, 2023, đã diễn ra các cuộc bạo loạn, khủng bố ở Tây Nguyên. Dưới danh nghĩa “Tin Lành Đêga”, các phần tử lưu vong đã cấu kết với tàn dư của tổ chức Fulro để kích động một số đồng bào ở Tây Nguyên đứng lên biểu tình, đấu tranh đòi thành lập “Nhà nước Đêga tự trị”.

Phải khẳng định rằng, cả về phương diện pháp lý hay dưới góc độ tôn giáo, “Tin Lành Đêga” không được thừa nhận. “Tin Lành Đêga” thực chất chỉ là một tổ chức trá hình của các thế lực thù địch nhằm quy tụ một số đồng bào nhẹ dạ cả tin theo đạo Tin Lành. Thông qua tổ chức trá phép này, các thế lực phản động muốn tách Tin Lành của bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên ra khỏi Tổng hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam. Việc đòi hỏi thành lập cái gọi là tổ chức “Tin Lành Đêga” không phải để bảo vệ quyền lợi của những người theo đạo, mà chỉ là bước đi trong việc thực hiện âm mưu chia cắt, phá hoại sự thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Trong những năm qua, tình hình của Tây Nguyên đã có nhiều chuyển biến tích cực. Mặc dù vậy, sự bình yên vẫn chưa thực sự đến với các dân tộc thiểu số. Trên nền tảng của “Tin Lành Đêga”, các thế lực thù địch trong và ngoài nước vẫn ngầm ngầm móc nối để dựng nên các chức tôn giáo trái phép. Sự xuất hiện của “Giáo hội Tin Lành đáng Christ Việt Nam” và “Hội thánh Tin Lành đáng Christ Tây Nguyên” ở Tây Nguyên với các âm mưu, thủ đoạn mới càng làm cho mối quan hệ giữa dân tộc với tôn giáo càng thêm phức tạp. Chưa dừng lại ở đó, các hiện tượng tâm linh, tôn giáo mới xuất hiện, theo sau là những động thái lôi kéo, quy tụ tín đồ càng làm gia tăng sự bất ổn lên Tây Nguyên.

5. Một số vấn đề đặt ra đối với mối quan hệ giữa các dân tộc thiểu số với tôn giáo ở Tây Nguyên trước bối cảnh toàn cầu hóa

Thứ nhất, vấn đề mâu thuẫn đức tin tôn giáo. Trên thực tế đã từng có giai đoạn các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên có sự thuần khiết về mặt đức tin. Chẳng hạn người Ba Na theo Công giáo, người Giarai, Ê Đê theo Tin Lành, người Kinh theo Phật giáo... Tuy nhiên, trong những thập niên trở lại đây, xu hướng này đã có sự thay

đổi. Ở Tây Nguyên hiện nay không còn hiện tượng một buôn làng hay một cộng đồng dân tộc theo một tôn giáo thuần nhất mà đã có sự dung hợp giữa những người theo tôn giáo này với những người theo tôn giáo khác. Chẳng hạn như người Mông theo Công giáo, theo Tin Lành... Chính sự tồn tại của nhiều loại hình tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau trong cùng một địa vực cư trú đã dẫn đến những sự xung đột, va chạm về mặt đức tin, về phong cách sinh hoạt lẫn các quan điểm về đẳng thiêng.

Mâu thuẫn về đức tin còn được biểu hiện ở nhu cầu truyền đạo và mở rộng phạm vi ảnh hưởng của các tôn giáo. Trong những năm gần đây, các tôn giáo ở Tây Nguyên đã xây dựng nhiều chiến lược truyền giáo khác nhau. Tất nhiên để quy tụ được tín đồ, các tôn giáo đã có những chiến thuật khác nhau. Quá trình này đưa đến những sự va chạm về không gian truyền đạo, không gian phổ quát đức tin trong vùng dân tộc thiểu số. Trong cùng một không gian, sự dẫn nờ, phát triển của một tôn giáo nào đó sẽ làm ảnh hưởng đến quá trình phát triển của các tôn giáo khác.

Thứ hai, vấn đề gìn giữ thiết chế buôn làng truyền thống với việc xây dựng cộng đồng đức tin của các tôn giáo. Một thực tế đang diễn ra hiện nay ở Tây Nguyên là sự phá vỡ của các thiết chế buôn làng truyền thống để xác lập những cộng đồng dân cư dựa trên đức tin. Cộng đồng cư dân này có thể trong nội bộ của từng dân tộc, cũng có thể là liên tộc, liên buôn làng. Tôn giáo càng phát triển, càng thâm nhập vào trong đời sống đồng bào thì thiết chế buôn làng càng phai nhạt. Cũng do vậy mà vấn đề gìn giữ thiết chế buôn làng truyền thống với việc bảo đảm quyền tự do tôn giáo cho đồng bào gặp phải khá nhiều khó khăn. Về cơ bản, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo luôn được Hiến pháp, pháp luật Nhà nước Việt Nam thừa nhận và bảo vệ. Vấn đề còn lại ở chỗ là ý thức gìn giữ của từng cộng đồng dân cư đối với thiết chế buôn làng truyền thống của mình. Tất nhiên, vấn đề gìn giữ thiết chế buôn làng cũng là trách nhiệm của nhà quản lý. Bởi thiết chế buôn làng chính là một hình thức nhằm để quản lý cộng đồng cư dân trong từng địa vực. Sự lớn mạnh của cộng đồng dân cư dựa trên đức tin sẽ lấn át và làm giảm vai trò, chức năng của nhà quản lý. Từ đó, đặt ra cho công tác quản lý cần phải có những định hướng phù hợp vừa để tôn trọng, bảo đảm quyền tự

do tôn giáo, nhưng đồng thời cũng duy trì được cơ chế quản lý cộng đồng dân cư.

Tôn giáo một khi gia tăng quá nhiều ảnh hưởng sẽ làm phai nhạt vai trò già làng, trưởng bản cùng các chế định luật tục truyền thống. Từ đó sẽ làm ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa các dân tộc với tôn giáo. Thời gian qua, các tôn giáo vì để thích ứng và có được niềm tin của đồng bào đã có nhiều biện pháp bảo tồn không gian buôn làng. Bên cạnh đó, các dân tộc với lòng tự tôn của mình đã có nhiều nỗ lực nhằm cân bằng nhu cầu đức tin với việc duy trì các thiết chế buôn làng truyền thống. Nhưng trong tính khách quan của quy luật vận động, tôn giáo càng phát triển, niềm tin tôn giáo càng ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống đồng bào thì các thiết chế buôn làng truyền thống khó đứng vững. Bởi mẫu số chung để liên kết các thành viên trong buôn làng là luật tục, huyết thống, đồng tộc; trong khi đó, các tôn giáo chỉ cần đến niềm tin vào đấng thiêng liêng là có thể liên kết bất cứ thành viên nào có cùng đức tin. Đó là chưa kể đến trường hợp những bất đồng về niềm tin tôn giáo, về đối tượng thờ phụng trong các dân tộc thiểu số. Khi niềm tin tôn giáo không được đồng nhất và nảy sinh mâu thuẫn thì tình thân đoàn kết, gắn bó giữa các thành viên trong buôn làng sẽ bị ảnh hưởng. Từ đó dẫn đến tình trạng ly khai, rời bỏ buôn làng để tìm kiếm những vùng đất mới của một số dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên thời gian qua.

Thứ ba, vấn đề bảo tồn, phát huy tín ngưỡng, văn hóa truyền thống của đồng bào có đạo ở Tây Nguyên. Trong những năm qua, có nhiều đồng bào đã chấp nhận quy xu tôn giáo. Bên cạnh đó là tình trạng chuyển đạo, cải đạo cũng đang diễn ra khá phổ biến ở Tây Nguyên. Một khi đã chấp nhận trở thành tín đồ của các tôn giáo thì đồng bào các dân tộc thiểu số sẽ rất dễ từ bỏ các giá trị tín ngưỡng truyền thống và sâu xa hơn là các giá trị văn hóa chủ lưu của chính dân tộc mình. Nguy cơ mai một văn hóa, tín ngưỡng truyền thống đã thúc đẩy các bên liên quan phải hành động. Các tôn giáo đã có nhiều giải pháp nhằm phục dựng văn hóa truyền thống cho đồng bào. Chính quyền quản lý các cấp cũng có nhiều văn bản, chỉ thị nhằm bảo tồn phát huy tín ngưỡng, văn hóa truyền thống trong vùng dân tộc thiểu số. Đồng bào cũng ngày càng chú trọng nhiều hơn đến đời sống văn hóa, tín ngưỡng của chính dân tộc mình. Biểu hiện là sự kết hợp các giá trị văn hóa trong sinh hoạt tôn giáo; hay là sự tồn tại của hình thức phối thờ, phối niềm tin. Tức là

vừa tôn thờ đức tin, đấng giáo chủ mình theo đuổi nhưng đồng thời cũng tham gia vào các nghi lễ truyền thống trong buôn làng... Các nỗ lực này đã góp phần nào đó để các giá trị văn hóa, tín ngưỡng truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên được gìn giữ. Tuy nhiên, đó chưa phải là những giải pháp có tính tối ưu. Bảo tồn, gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa, tín ngưỡng truyền thống của đồng bào không chỉ dừng lại ở việc biểu diễn, trình diễn trên sân khấu, mà phải làm cho các giá trị văn hóa, tín ngưỡng này thực sự được “sống lại”, được thực hành trong đời sống của đồng bào. Đây mới chính là đích đến, là yêu cầu đặt ra đối với mối quan hệ giữa các dân tộc thiểu số với tôn giáo trong bối cảnh của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

1. Tây Nguyên hiện có khoảng 2,3 triệu tín đồ, gần 4.000 chức sắc, 10.000 chức việc và 1.300 cơ sở thờ tự. Cụ thể, Công giáo có trên 1,1 triệu tín đồ, 1.000 chức sắc, 2.500 chức việc, 500 cơ sở thờ tự. Phật giáo có trên 670.000 tín đồ, 1.900 chức sắc, 2.800 chức việc, 570 cơ sở thờ tự. Tin Lành 530.000 tín đồ, 800 chức sắc, 3.000 chức việc và 200 cơ sở thờ tự. Cao Đài có khoảng 22.000 tín đồ. Nguyễn Văn Thanh, Hà Thị Xuyên: *Đoàn kết đồng bào tôn giáo ở Tây Nguyên, góp phần phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc*, matran.org.vn, ngày đăng tải 1-7-2021.
2. Ban Dân tộc tỉnh Kon Tum: *Báo cáo tình hình dân tộc và việc thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh Kon Tum*, 2023, tr. 2.
3. Phương Dung: *Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh đối thoại với chức sắc các tổ chức tôn giáo trên địa bàn tỉnh*, <https://baogialai.com.vn/>, ngày đăng tải 26-12-2023.
4. Sở Nội vụ Đắk Nông: *Báo cáo số 32/BC-TG ngày 9-6-2023 về tình hình tôn giáo, kết quả công tác quản lý nhà nước về tôn giáo 6 tháng đầu năm 2023*, 2023.
5. Khánh Hà, Ngọc Hà: *Tăng cường quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo*, Báo Lâm Đồng Online, ngày đăng tải 17-01-2023.
6. Ngô Quốc Đông: *Hiện trạng và đặc điểm tín đồ Công giáo, Phật giáo, Tin Lành ở Tây Nguyên*, Nghiên cứu Tôn giáo, số 7, 2015, tr. 50 - 74.
7. Nguyễn Văn Minh: *Các hiện tượng tôn giáo mới ở vùng dân tộc thiểu số Tây Nguyên hiện nay*, Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam, số 3, 2016, tr. 69 - 79.
8. Hoàng Thị Lan: *Tôn giáo trong đời sống văn hóa, xã hội đồng bào dân tộc thiểu số ở khu vực Tây Nguyên hiện nay*, Tạp chí Tổ chức Nhà nước online, ngày đăng 14-10-2021.
9. Chu Văn Tuấn: *Sự biến đổi của tôn giáo ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, Nghiên cứu Tôn giáo, số 1, 215, tr. 30 - 39.

.